

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2018/KDTM-PT**

Ngày: 31-5-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ - Cán bộ TAND tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 55/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2018/QĐ-PT ngày 26/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐ-PT ngày 16/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2018/QĐ-PT ngày 02/5/2018 giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T.

Trụ sở: 22/4 đường 32, khu phố 7, phường L, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Thanh P - Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy L, sinh năm 1976. Địa chỉ: 260 đường 30/4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2016). Có mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B.

Trụ sở: 185 đường Đ, phường Đ, Quận 1, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quốc D - Tổng giám đốc công ty cổ phần Bảo hiểm B.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Tống Xuân T –sinh năm 1980. (Văn bản ủy quyền số 198/2016/UQ-TGD ngày 30/12/2016). Có mặt.

Ông Dương Tuấn L –sinh năm 1975. (Văn bản ủy quyền số 149/2016/UQ-TGD ngày 12/9/2017). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn C.

Trụ sở: 2C, Phó Đ, Quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Thanh G - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn C.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ - Phó Phòng tín dụng Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn C.

Ông Nguyễn Văn Đ - Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Sài Gòn C.

(Văn bản ủy quyền số 824A/GUQ/HC-2016 ngày 23/12/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/11/2016, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Trần Duy L trình bày:

Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303982852, ngày 22/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 29/03/2016 của Phòng Đăng Ký Kinh Doanh - Sở Kế hoạch Và Đầu tư Thành phố H.

Công ty T là bên được bảo hiểm và Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm B (Sau đây gọi tắt là Tổng Công ty B) là bên bảo hiểm cùng ký kết 01 (một) hợp đồng, Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số 1903/15/HD-1063/24-DA2, ngày 02/7/2015 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng số 1903”), theo đó Công ty T được Tổng Công ty B bảo hiểm tài sản của Công ty T tại Chi nhánh Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T, địa chỉ: ấp T, Xã P, Thành phố B, tỉnh Đ (Sau đây gọi tắt là “Nhà máy T”), cụ thể như sau:

-Đối tượng bảo hiểm: Dây chuyền sản xuất nước giải khát lon 333 có ga và không ga.

-Rủi ro được bảo hiểm: Cháy, nổ và các rủi ro đặc biệt: Máy bay rơi, Bạo động đình công, Hành động ác ý, Giông bão lũ lụt, Nước thoát từ bể chứa, Va chạm với xe cơ giới hoặc động vật, Sét.

-Số tiền bảo hiểm cho từng hạng mục như sau:

+Dây chuyền sản xuất nước giải khát lon 333 có ga công suất 8.000 lon/giờ; giá trị hàng hóa: 9.900.000.000đồng; số tiền bảo hiểm: 7.200.000.000 đồng.

+Dây chuyền sản xuất nước giải khát lon 333 không ga công suất 8.000 lon/giờ; giá trị hàng hóa: 8.800.000.000 đồng; số tiền bảo hiểm: 6.400.000.000 đồng.

Tổng số tiền bảo hiểm là: 13.600.000.000 đồng (Mười ba tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)

Trong ngày 02/ 7/2015, Tổng Công ty B đã cấp cho Công ty T Giấy chứng nhận hợp đồng số: 1903/15/HD-1063/24-DA2, với thời hạn bảo hiểm: Một năm, từ 00 giờ ngày 02/7/2015 đến 24 giờ ngày 02/7/2016. Thực hiện Hợp đồng số 1903, Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm 14.960.000 đồng (bao gồm thuế GTGT), theo phương thức chuyển khoản cho Tổng Công ty B.

Ngày 23/02/2016, Công ty T ký 02 (hai) hợp đồng, Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: 386/16/HD-1063/28-KD2 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng số 386”) và Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: 387/16/HD-1063/28-KD2 (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng số 387”) với bên bảo hiểm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B – Công ty Bảo hiểm B (Sau đây gọi tắt là “Bảo B”) là chi nhánh của Tổng Công ty B theo đó Công ty T được Bảo B bảo hiểm cho các hạng mục của Nhà máy Công ty T, cụ thể như sau:

1.Đối với Hợp đồng số 386:

-Đối tượng bảo hiểm: Dây chuyền sản xuất lon 307.

-Rủi ro được bảo hiểm: Cháy, Sét đánh, Nổ, Máy bay, Gây rối, Đình công, Công nhân bết xương, Hành động ác ý, Giông, bão và lũ lụt, Nước tràn từ các bể và thiết bị chứa nước hoặc đường ống dẫn nước, Va chạm bởi xe cơ giới hay động vật cho tài sản của công ty là “Dây chuyền sản xuất lon 307”.

-Số tiền bảo hiểm: 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)

2.Đối với Hợp đồng số 387:

-Đối tượng bảo hiểm: Nhà xưởng, Bao bì, Thành phẩm & Nguyên vật liệu.

-Rủi ro được bảo hiểm: Cháy, sét đánh, Nổ, Máy bay, Gây rối, Đình công, công nhân bết xương, Hành động ác ý, Giông, bão và lũ lụt, Nước tràn từ các bể và thiết bị chứa nước hoặc đường ống dẫn nước, Va chạm bởi xe cơ giới hay động vật cho tài sản.

-Số tiền bảo hiểm cho từng hạng mục như sau:

+Nhà xưởng: Giá trị tài sản 6.500.000.000 đồng; số tiền bảo hiểm: 6.500.000.000 đồng

+Bao bì: Giá trị tài sản 10.768.819.773 đồng; số tiền bảo hiểm: 2.000.000.000 đồng.

+Thành phẩm & Nguyên vật liệu: 8.656.583.799 đồng; số tiền bảo hiểm: 1.500.000.000 đồng.

Tổng số tiền bảo hiểm là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn).

Thực hiện 02 hợp đồng, Hợp đồng số 386 và Hợp đồng số 387, Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm với tổng số tiền 19.800.000 đồng (Bao gồm thuế GTGT), theo phương thức chuyển khoản cho Tổng Công ty B. Trong ngày 23/02/2016, Bảo B đã cấp cho Công ty T 02 Giấy chứng nhận bảo hiểm của 02 hợp đồng trên, với thời hạn bảo hiểm 01 năm, từ 16 giờ ngày 19/03/2016 đến 16 giờ ngày 19/03/2017.

Vào lúc khoảng 13giờ 45 phút, ngày 06/5/2016 thời tiết thay đổi bất thường, lúc đầu có mưa nhẹ, sau đó mưa to kèm theo giông và lốc xoáy mạnh, kéo dài đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày mới kết thúc, dẫn đến hậu quả tốc toàn bộ mái tôn, xà gồ phía trước xưởng sản xuất; mái tôn và trần thạch cao trong xưởng sản xuất và pha chế bị rách méo, ngấm nước; mái tôn xưởng bao bì thành phẩm bị rách thủng; một số tài sản khác của nhà xưởng, máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất và hàng hóa bị hư hỏng. Ngay sau đó, Công ty T đã kiểm tra thiệt hại, thực hiện mọi biện pháp để ngăn chặn tránh phát sinh thêm thiệt hại và báo với Tổng Công ty B, Bảo B. Sự kiện bảo hiểm giông và lốc xảy ra là nguyên nhân gây thiệt hại nhiều về tài sản cho Công ty T, được ghi nhận tại Danh Mục Khiếu Nại & Biên Bản Kiểm Kê Thiệt Hại và Biên Bản Giám Định Hiện Trường, ngày 07/5/2016; Biên bản làm việc ngày 10/5/2016; Danh Mục Khiếu Nại & Biên Bản Kiểm Kê Thiệt Hại ngày 13/05/2016, có sự tham gia của ông Võ Kim Lđại diện cho Bảo B tại Nhà máy Công ty T ghi nhận toàn bộ thiệt hại xảy ra, cụ thể:

- Thiệt hại về nhà xưởng: mái tôn xà gồ, tường xưởng, trần thạch cao, ống khói bị biến dạng, móng chân đế cột (thuộc phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng số 387);

- Thiệt hại về máy móc thiết bị: hệ thống dây chuyền sản xuất ngưng hoạt động; hệ thống báo cháy, đèn chiếu sáng bị hư hại (thuộc phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng số 1903);

- Thiệt hại về hàng hóa: khoảng 15.000 lít nước ép trái cây bị thiệt hại (thuộc phạm vi bảo hiểm của Hợp đồng số 387).

Ngày 09/5/2016, Tổng Công ty B có văn bản số 933/2016/CV-BL gửi cho Công ty T, chỉ định Công ty Cổ phần Tư vấn và Điều chỉnh Savvy (Sau đây gọi tắt là “Savvy”) thực hiện nghĩa vụ giám định nguyên nhân và toàn bộ tổn thất cho Công ty T. Công văn chỉ định nêu rõ, Savvy chỉ căn cứ trên danh mục tài sản bị tổn thất trên thực tế tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm ngày 06/5/2016 và căn cứ vào giấy tờ tài liệu giám định là hợp đồng bảo hiểm; Quy tắc bảo hiểm để giám định nhưng phía Savvy đã không thực hiện đúng phạm vi nghĩa vụ của mình, đề nghị Công ty T cung cấp những tài liệu vượt quá yêu cầu của chính đơn vị chỉ định giám định là Tổng Công ty B.

Giông lốc trên hoàn toàn là do thiên nhiên gây ra, không thiệt hại về người, các bên bảo hiểm không đề nghị Cơ quan Công an giám định nguyên nhân gây ra tổn thất, thể hiện qua Văn bản số 933/2016/CV-BL, ngày 09/5/2016 của Tổng Công ty B chỉ định Savvy đứng ra thực hiện nghĩa vụ giám định nguyên nhân tổn thất. Vì vậy, Công ty T không có Biên bản ghi nhận sự việc và kết luận nguyên nhân gây thiệt hại của cơ quan chuyên môn để cung cấp cho Tòa án. Việc giám định nguyên nhân gây ra tổn thất Tổng Công ty B đã chỉ định Savvy thực hiện nhưng cho đến nay vẫn chưa ra kết luận nguyên nhân tổn thất để cung cấp cho Tòa án.

Ngày 08/8/2016, Công ty T đã gửi Thư khiếu nại đòi bồi thường toàn bộ tổn thất đến Tổng Công ty B, cụ thể:

-Yêu cầu bồi thường tổn thất “dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h” với số tiền bảo hiểm là 128.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu đồng chẵn) căn cứ Hợp đồng số 1903.

-Yêu cầu bồi thường tổn thất “Nhà xưởng” với số tiền bảo hiểm là 638.086.200 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm đồng) căn cứ Hợp đồng số 387.

-Yêu cầu bồi thường sản phẩm: 148.250.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) căn cứ Hợp đồng số 387.

Tổng Công ty B và Bảo B không trả lời chấp nhận hay không chấp nhận việc bồi thường trên cho Công ty T. Công ty T không biết được lý do Tổng Công ty B và Bảo B không thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

Công ty T căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng bảo hiểm, sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/8/2016, Tổng Công ty B và Bảo B nhận được hồ sơ khiếu nại đầy đủ và hợp lệ của Công ty T, không thực hiện nghĩa vụ bồi thường là vi phạm nghĩa vụ cam kết quy định tại đoạn 5, Điều khoản 6.2 của Hợp đồng số 1903; Đoạn 5, Điều khoản 7.2 của Hợp đồng số 387, nên phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại trên cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố B buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B bồi thường cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T toàn bộ tổn thất về tài sản do sự kiện bảo hiểm giông lốc xảy ra vào ngày 06/5/2016, tại Nhà máy T, cụ thể:

1. Bồi thường toàn bộ tổn thất “dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h” với số tiền là 120.550.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) căn cứ Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặt biệt số 1903/15/HD-1063/24-DA2, ngày 02/7/2015. (Theo chứng thư Thẩm định giá số 785/TĐG-CT ngày 17/4/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai)

2. Bồi thường toàn bộ tổn thất “Nhà xưởng” với số tiền là 638.086.200 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm đồng) căn cứ Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: 387/16/HD-1063/28-KD2, ngày 23/02/2016.

3. Bồi thường toàn bộ tổn thất về sản phẩm: 127.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) căn cứ Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: 387/16/HD-1063/28-KD2, ngày 23/02/2016. (Theo chứng thư Thẩm định giá số 785/TĐG-CT ngày 17/4/2017 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai)

4. Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổn thất, sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/8/2016 bên bảo hiểm nhận đủ và hợp lệ hồ sơ khiếu nại đòi bồi thường, tức là ngày 24/8/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất cơ bản 9%/năm.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:

Ngày 02/7/2015, Ban Dịch vụ KHDN – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B ký Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và rủi ro đặc biệt với Công ty cổ phần sản xuất – thương mại T số 1903/15/HD-1063/24-DA2 với thông tin như sau:

- Hợp đồng số: 1903/15/HD-1063/24-DA2 ngày 02/7/2015.
- Đối tượng được bảo hiểm: Dây chuyền sản xuất nước giải khát lon 333 có gas và không gas.

- Địa điểm bảo hiểm: Ấp T, xã P, Thành phố B, Đồng Nai.
- Giá trị tài sản: 18.700.000.000 VNĐ.
- Số tiền bảo hiểm: 13.600.000.000 VNĐ.
- Thời hạn bảo hiểm: 0h00 ngày 01/7/2015 đến 24h00 ngày 01/7/2016.
- Thỏa thuận thanh toán phí: chậm nhất 01/8/2015.
- Ngày thanh toán phí thực tế: 23/10/2015, hình thức: chuyển khoản.
- Ngày tổn thất: 13h ngày 06/5/2016.

Ngày 23/02/2016, Bảo B ký Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và rủi ro đặc biệt với Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T với thông tin như sau:

- Hợp đồng số: 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016.
- Đối tượng được bảo hiểm: Nhà xưởng, bao bì, thành phần và nguyên vật liệu
- Địa điểm bảo hiểm: ấp T, xã P, Thành phố B, Đồng Nai
- Số tiền bảo hiểm: 10.000.000.000 VNĐ.
- Thời hạn bảo hiểm: 16h00 ngày 19/3/2016 đến 16h00 ngày 19/3/2017.
- Thỏa thuận thanh toán phí: chậm nhất 29/3/2016.
- Ngày thanh toán phí thực tế: 12/4/2016, hình thức: chuyển khoản.
- Ngày tổn thất: 13h ngày 06/5/2016

Ngày 09/5/2016, Ban GĐBT gửi Công văn số 933/2016/CV-BL chỉ định Công ty CP Tư vấn và Điều chỉnh SAVY là đơn vị giám định độc lập. Công ty T cũng không có văn bản từ chối về việc chỉ định Công ty giám định SAVY. Sau đó, các bên tiến hành các công tác giám định với sự hợp tác của Công ty T.

Ngày 10/5/2016, SAVY, Công ty T và Công ty Nông sản Cao Nguyên đã tiến hành làm việc để kiểm kê, ghi nhận mức độ thiệt hại của nhà xưởng và máy móc thiết bị. Tại buổi làm việc, Công ty T đã cung cấp cho SAVY một số hồ sơ theo yêu cầu của SAVY.

Ngày 13/5/2016, SAVY, Công ty T đã tiến hành làm việc để kiểm tra chi tiết phạm vi thiệt hại của nhà xưởng và máy móc thiết bị. Tại buổi làm việc, Công ty T đã cung cấp thêm cho SAVY một số hồ sơ theo yêu cầu của SAVY.

Ngày 01/6/2016, SAVY, Công ty T trao đổi về tiến độ khắc phục và chi phí khắc phục, đồng thời bàn bạc phương án xử lý phế liệu từ vụ tổn thất.

Ngày 10/6/2016, Bảo Long, Ngân hàng Sài Gòn C, SAVY, Công ty T trao đổi về chi phí khắc phục các danh mục bị thiệt hại và các vấn đề vướng mắc liên quan. Theo đó, về khắc phục nhà xưởng: các bên thống nhất mời 2 đơn vị (1 đơn vị đại diện cho T, 1 đơn vị đại diện cho SAVY) để cùng bóc tách dự toán khắc phục, trên cơ sở đó các bên sẽ thống nhất đơn giá và chi phí khắc phục.

Ngày 30/6/2016, SAVY, Công ty T và nhà thầu Cao Nguyên ghi nhận và thống nhất kích thước thực tế của thép hộp, xà gồ, cột. Đồng thời trao đổi các vấn đề liên quan đến chi phí khắc phục thiệt hại hạng mục nhà xưởng.

Ngày 04/8/2016, B, Ngân hàng Sài Gòn C, SAVY, Công ty T trao đổi phương án giải quyết bồi thường cho hạng mục tài sản bị tổn thất. Đối với hạng mục máy móc thiết bị, Công ty T sẽ cung cấp bổ sung hồ sơ. Đối với công tác thanh lý phế liệu, Công ty T sẽ thông báo cho SAVY, B tham gia chứng kiến nhà thầu tiến hành cân khối lượng thực tế để làm cơ sở tính toán khối lượng tổn thất sau khi hoàn thành công tác sửa chữa, khắc phục. Đối với hạng mục nhà xưởng, các bên thống nhất khối lượng thiệt hại theo Biên bản làm việc ngày 07/5, 13/5 và ngày 30/6. Về đơn giá khắc phục thì Công ty T sẽ kiểm tra lại dự toán chi phí khắc phục của SAVY và phản hồi lại sau. Đối với hạng mục hàng hóa (bán thành phẩm) Công ty T không tiếp tục khiếu nại.

Ngày 08/8/2016, Công ty T gửi thư khiếu nại yêu cầu B bồi thường:

- Chi phí sửa chữa dây chuyền lon: 128.000.000 VNĐ.
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng: 638.086.200 VNĐ.

Kể từ thời điểm tổn thất đến nay, B, SAVY đã nhiều lần gửi thư yêu cầu cung cấp tài liệu để phục vụ cho công tác xác định mức độ tổn thất và tính toán số tiền tổn thất. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty T vẫn chưa cung cấp đầy đủ tài liệu cho SAVY/B đồng thời có công văn từ chối cung cấp tiếp tục.

Ngày 19/12/2016, B nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 179/2016/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Công ty T khởi kiện B yêu cầu bồi thường số tiền:

- Chi phí sửa chữa dây chuyền lon: 128.000.000 VNĐ.
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng: 638.086.200 VNĐ.
- Tổn thất sản phẩm: 148.250.000 VNĐ.
- Chậm thanh toán: 10.286.282 VNĐ.
- Tổng cộng: 924.622.482 VNĐ.

Ngày 22/12/2016, SAVY gửi Báo cáo giám định cuối cùng cho B với số liệu tính toán dựa trên các chứng từ Công ty T cung cấp đến thời điểm hiện tại.

Sau khi xem xét hồ sơ vụ án và những chứng cứ kèm theo B xin trình bày ý kiến như sau:

Thứ nhất: Ý kiến của B đối với yêu cầu bồi thường tổn thất dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h, chi phí sửa chữa dây chuyền lon.

Trước hết, B xin được làm rõ thông tin như sau: Dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h là đối tượng bảo hiểm thuộc Hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2 ngày 02/7/2015. Giá trị tham gia bảo hiểm: 13.600.000.000 VNĐ.

Nguyên giá mới mua ban đầu: 17.000.000.000 VNĐ (Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 02/250314/CN-TN). Như vậy, Công ty T đã tham gia bảo hiểm dưới giá trị. Thời hạn bảo hiểm: 0h00 ngày 01/7/2015 đến 24h00 ngày 01/7/2016.

Thỏa thuận thanh toán phí: chậm nhất 01/8/2015.

Ngày thanh toán phí thực tế: 23/10/2015, hình thức: chuyển khoản.

Căn cứ theo Khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2 quy định: *Trách nhiệm bảo hiểm của B theo Hợp đồng này sẽ không phát sinh nếu việc thanh toán phí không được thực hiện đúng theo thỏa thuận. Mọi khoản phí bảo hiểm được thanh toán (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản) cho B sau thời hạn thanh toán nêu trên đều không có giá trị ràng buộc trách nhiệm bảo hiểm của B (trừ khi có thỏa thuận khác được B chấp thuận bằng văn bản).*

Bên cạnh đó, Khoản 2 Điều 23 Luật Kinh doanh bảo hiểm có quy định trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm: *Bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm hoặc không đóng phí bảo hiểm theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;*

Điều c Khoản 4 Điều 2 Thông tư 194/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014:

Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Nếu không xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyển kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài được hưởng doanh thu phí bảo hiểm tương ứng với thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hạch toán giảm doanh thu tương ứng với thời gian hợp đồng bảo hiểm không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm.

Nếu xảy ra sự kiện bảo hiểm trong thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp chuyên kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm và được phép thu toàn bộ số phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Tổn thất xảy ra vào ngày 06/5/2016. Như vậy, tổn thất xảy ra quá thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm là Công ty T cũng vi phạm nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm, đóng phí bảo hiểm không đúng thời hạn thỏa thuận nên Hợp đồng bảo hiểm đã tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm mà không cần gửi thông báo chấm dứt. B không phát sinh trách nhiệm bồi thường cho tổn thất liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2, tức là tổn thất của dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h.

Thứ hai: Ý kiến của B đối với bồi thường tổn thất về nhà xưởng là 638.086.200 VNĐ

Thời điểm tổn thất là ngày 06/5/2016. B khẳng định: tổn thất không rơi vào trường hợp loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm đồng thời xảy ra trong thời hạn hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, các bên đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận. Như vậy, tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Tuy nhiên, vấn đề cần xem xét tiếp theo là mức độ, số tiền tổn thất hợp lý là bao nhiêu?.

Căn cứ Báo cáo giám định số 01 ngày 27/7/2016 của SAVY thì Công ty T đã tham gia bảo hiểm dưới giá trị cho toàn bộ nhà xưởng với tỷ lệ tham gia bảo hiểm là 30,45%.

Căn cứ theo Bảng theo dõi và trích khấu hao Tài sản cố định ngày 30/4/2016 của Công ty T thì giá trị còn lại của Nhà xưởng tính đến thời điểm 30/4/2016 là 20.952.394.336 VNĐ. Tuy nhiên, khi khai báo thông tin mua bảo hiểm thì Công ty T chỉ tham gia với số tiền bảo hiểm nhà xưởng là 6.500.000.000 VNĐ. Như vậy, Công ty T đã tham gia bảo hiểm dưới giá trị.

Căn cứ Khoản 2 Điều 43 Luật Kinh doanh Bảo hiểm: *Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị được giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng.*

B đồng ý bồi thường tổn thất nhà xưởng theo kết quả giám định của Công ty cổ phần Tư vấn và Điều chỉnh SAVY với số tiền là 97.814.810 VNĐ. Kết quả giám định này dựa trên những chứng từ mà Công ty T cung cấp đến thời điểm hiện tại.

Thứ ba: Ý kiến của B đối với yêu cầu bồi thường tổn thất bán thành phẩm nước ép dứa và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường:

+ Về yêu cầu bồi thường bán thành phẩm nước ép dứa

Thiệt hại bán thành phẩm với số tiền 1.148.250.000 VNĐ. Bao gồm: bán thành phẩm 13.000 lít nước ép dứa (nằm trong bồn pha chế khi xảy ra sự cố và phải xả bỏ sau đó) và 6.250 lon nước ép dứa đã đóng lon nhưng chưa hoàn tất giai đoạn thanh trùng (đang chờ kiểm tra vi sinh).

Theo Biên bản ghi nhận ngày 10/5/2016, được tiến hành giữa đại diện theo pháp luật của Công ty T và Công ty SAVY thì nguyên lý hoạt động của hệ thống dây chuyền sản xuất nước ép dứa như sau: nguyên liệu (khóm ép) -> pha chế -> đóng lon -> hấp thanh trùng -> đóng lốc -> thành phẩm.

Như vậy, xét theo hợp đồng bảo hiểm: bảo hiểm cho thành phẩm, nguyên vật liệu. Căn cứ vào quy trình sản xuất nước ép dứa thì số sản phẩm bị thiệt hại chỉ ở giai đoạn bán thành phẩm nên không thuộc phạm vi bảo hiểm.

Tại Biên bản làm việc ngày 04/8/2016, thì Công ty T xác nhận không khiếu nại tổn thất đối với bán thành phẩm (nước ép dứa). Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện Công ty T có yêu cầu B bồi thường. Vì đây là yêu cầu mới nên đề nghị SAVY giám định nguyên nhân, mức độ tổn thất...

+ Về yêu cầu bồi thường lãi suất chậm bồi thường

Căn cứ theo Khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng bảo hiểm số 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016 và Khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2 thì: B có nghĩa vụ bồi thường trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ khiếu nại đầy đủ và hợp lệ.

Bên cạnh đó, căn cứ theo điểm b Khoản 2 mục VII Quy tắc Bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt của B ban hành kèm theo quyết định số 1173/2012/BHBL-QĐ-TGD-TSKT ngày 13/7/2012: “...*Tại mọi thời điểm, người được bảo hiểm bằng chi phí của mình phải có trách nhiệm thu thập và cung cấp cho B tất cả các thông tin chi tiết có liên quan, các kế hoạch, Phương án kỹ thuật, sổ sách kinh doanh, hóa đơn, biên lai, tài liệu, bằng chứng và thông tin có liên quan đến tổn thất như nguyên nhân gây ra tổn thất, hoàn cảnh cụ thể của tổn thất dưới hình thức bằng bản chính hoặc bản sao, hoặc bất kỳ vấn đề gì có liên quan đến trách nhiệm hoặc mức độ trách nhiệm của B mà B hoặc người đại diện của B có thể yêu cầu một cách hợp lý cùng với lời khai có cam kết hoặc bằng hình thức pháp lý khác xác nhận tính trung thực của khiếu nại đòi bồi thường và bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến khiếu nại...*”

Theo thỏa thuận của hợp đồng bảo hiểm thì người được bảo hiểm có nghĩa vụ: Hợp tác và hỗ trợ B trong việc giải quyết bồi thường, thu thập các bằng chứng, tài liệu liên quan....

Tuy nhiên, cho đến nay, theo yêu cầu cung cấp hồ sơ bồi thường của B, Công ty T vẫn không cung cấp đầy đủ hồ sơ và đã có Công văn từ chối tiếp tục cung cấp (đính kèm Công văn ngày 22/11/2016 và Công văn số 01/2016/CV-TN (BL) ngày 16/12/2016). Việc không hợp tác của Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm, gây khó khăn cho B và Công ty SAVY trong việc xác định mức độ tổn thất, số tiền bồi thường vì không xác định được giá trị tài sản tham gia bảo hiểm để tính toán số tiền bồi thường hợp lý.

-Yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng từ liên quan đến việc thanh lý phế liệu nhà xưởng để căn cứ vào số tiền bồi thường.

-Không chấp thuận yêu cầu của nguyên đơn đối với: phần yêu cầu bồi thường Dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h là đối tượng bảo hiểm thuộc Hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2 ngày 02/7/2015 vì hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực; Không chấp thuận yêu cầu bồi thường lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa phía bị đơn không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ vay, bảo lãnh của Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn C, Công ty T có thể chấp các tài sản như sau:

- Quyền sở hữu phân xưởng sản xuất và kho chứa hàng tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã P, thành phố B, hợp đồng thế chấp số 37/HĐBĐ ngày 16/5/2012, hợp đồng bảo hiểm số 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016

- Dây chuyền sản xuất nước giải khát lon 333 có ga và không ga công suất 8.000 lon/giờ/chuyên, hợp đồng thế chấp số 37/HĐBĐ ngày 27/5/2014, hợp đồng bảo hiểm số 1903/15/HD-1063/24-DA2 ngày 02/7/2015.

- Hàng hóa tồn kho (thành phẩm, nguyên vật liệu, bao bì), hợp đồng thế chấp số 75/HĐBĐ ngày 15/10/2012; Hợp đồng bảo hiểm số 1188/16/HD-1063/28-KD2 ngày 12/05/2016 và 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016

Ngày 06/5/2016, một số tài sản thế chấp nêu trên đã bị thiệt hại trong sự cố lốc xoáy nhưng Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Tiến Nga đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên thế chấp, tự khắc phục toàn bộ thiệt hại bằng vốn tự có nên giá trị các tài sản thế chấp và mọi quyền lợi của Saigonbank liên quan đến các hợp đồng thế chấp vẫn đảm bảo.

Nay Công ty T khởi kiện Tổng Công ty Bảo hiểm B về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm Saigonbank đã đồng ý cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T được nhận toàn bộ số tiền bồi thường bảo hiểm liên quan đến thiệt hại ngày 06/5/2016. Saigonbank xác nhận không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền bảo hiểm từ sự cố ngày 06/5/2016.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 55/2017/KDTM-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố B đã Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 217, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 14, 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 12, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 405, 426, 567, 568, 569, 570, 571, 575, 576, 579, 580 Bộ luật Dân sự 2005.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T. Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B bồi thường cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T:

- Toàn bộ tổn thất “dây chuyền lon 333 – 8000 lon/h” với số tiền là 120.550.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

- Toàn bộ tổn thất “Nhà xưởng” với số tiền là 638.086.200 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm đồng).

- Toàn bộ tổn thất về sản phẩm: 127.500.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổn thất từ ngày 24/8/2016 đến ngày 25/9/2017 là 86.398.279đ (Tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm bảy mươi chín đồng).

Tổng cộng 972.534.479 đồng (Chín trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T số tiền trên và chi phí thẩm định giá là 16.318.000đ

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên và tiền chi phí thẩm định giá thì phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2017 Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B có đơn kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất “Dây chuyển lon 333 – 8000 lon/h” với số tiền 120.550.000đ của Nguyên đơn; Không chấp nhận yêu cầu bồi thường tổn thất “Nhà xưởng” với số tiền 638.086.200; Không chấp nhận yêu cầu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổn thất với số tiền 86.398.279đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về nội dung các tài liệu chứng cứ thể hiện: Các Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt: Hợp đồng số 1903/15/HD-1063/24/DA2 ngày 02/7/2015; Hợp đồng số 386/16/HD-1063/28-KD2 và Hợp đồng số 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016 giữa Công ty T và Tổng Công ty Bảo hiểm B lý kết đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, được các bên thừa nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty T đã nộp đầy đủ phí bảo hiểm trước ngày xảy ra sự kiện giông lốc nên thiệt hại phải được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/10/2015 Công ty T nộp phí bảo hiểm cho Hợp đồng số 1903/15/HD-1063/24-DA2, đối chiếu với nội dung Hợp đồng thì Công ty T đã nộp phí chậm là 02 tháng 01 ngày và nộp trước ngày xảy ra tổn thất, nhưng Tổng Công ty B không có ý kiến gì về việc nộp chậm. Căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm số **1903/15/HD-1063/24-DA2** có hiệu lực nên các bên ký kết có trách nhiệm thực hiện; vì vậy Tổng công ty B phải thanh toán thiệt hại về

tài sản tương ứng với tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị tổn thất theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ tổn thất theo kết quả thẩm định 120.5500.000đ là chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm về cách tính toán số tiền liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Hợp đồng bảo hiểm số **1903/15/HD-1063/24-DA2**. Cụ thể số tiền mà Tổng công ty B có trách nhiệm bồi thường cho Công ty T là: $120.5500.000đ \times 72,72\% = 87.663.960$ đồng.

- Đối với tổn thất nhà xưởng số tiền 638.086.200 đồng theo Hợp đồng số **386/16/HD-1063/28-KD2**: Theo kết quả chứng thư thẩm định xác định thiệt hại trên là có căn cứ nên bản án sơ thẩm đã tuyên theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T là đúng quy định của pháp luật. Nên giữ nguyên đường lối giải quyết của án sơ thẩm về phần tổn thất này.

- Đối với tổn thất về sản phẩm số tiền 127.500.000đ theo Hợp đồng số **387/16/HD-1063/28-KD2**: Bị đơn không kháng cáo và án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ đúng pháp luật nên giữ nguyên đường lối giải quyết của án sơ thẩm về phần tổn thất này.

- Về yêu cầu khoản tiền lãi suất chậm trả cho số tiền phí bảo hiểm chậm thanh toán theo mức 09%/năm kể từ ngày 24/08/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2017: Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm cần buộc Tổng Công ty B phải chịu khoản tiền lãi suất chậm trả theo mức 09%/năm. Do án sơ thẩm giải quyết phần yêu cầu bồi thường tổn thất của Hợp đồng số **1903/15/HD-1063/24-DA2** chưa đúng quy định của pháp luật dẫn đến việc xác định khoản tiền lãi chậm trả 86.398.279đ của án sơ thẩm là chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm về phần này.

Xét thấy kháng cáo của Tổng Công ty Bảo hiểm B là có căn cứ, một phần nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần án sơ thẩm đối với khoản tiền bồi thường của hợp đồng số **1903/15/HD-1063/24-DA2** và khoản tiền lãi chậm trả 86.398.279đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm B làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn C Tòa án có tổng đạt giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH sản xuất thương mại T căn cứ vào các Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B và Bảo B đề yêu cầu bồi thường tổn thất về tài sản do sự kiện giông lốc xảy ra vào ngày 06/5/2016 nên theo quy định tại Điều 567 Bộ luật dân sự năm 2005 cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” là đúng.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Công ty T là bên được bảo hiểm và Tổng Công ty B là bên bảo hiểm cùng ký kết với nhau các hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt tại nhà máy T, địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số 1903/15/HD-1063/24-DA2, ngày 02/7/2015. Ngày 23/10/2015, Công ty T đã thanh toán tiền phí là 14.960.000đ. Ngày 02/7/2015, Tổng Công ty B đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm.

- Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số 386/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016. Công ty T đã thanh toán tiền phí là 6.000.000đ. Ngày 23/02/2016, Tổng Công ty B đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm.

- Hợp đồng bảo hiểm hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt số: 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/2016. Công ty T đã thanh toán tiền phí là 13.200.000đ. Ngày 23/02/2016, Tổng Công ty B đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm.

Căn cứ biên bản giám định hiện trường ngày 07/5/2016, Danh mục khiếu nại và biên bản kiểm kê thiệt hại ngày 07/5/2016, Biên bản ghi nhận thông tin và tường trình về sự cố ngày 10/5/2016 ghi nhận sự việc ngày 06/5/2016 tại Nhà máy T địa chỉ ấp T, xã P, thành phố B vào lúc khoảng 13 giờ 45 phút ngày 06/5/2016 có xảy ra giông lốc, ghi nhận sự việc Công ty T bị thiệt hại do thiên tai. Nên Công ty T căn cứ vào các hợp đồng bảo hiểm trên để khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B bồi thường thiệt hại: Bồi thường tổn thất “dây chuyền lon 333 -8000lon/h” với số tiền là 120.550.000đ; Bồi thường toàn bộ tổn thất “Nhà xưởng” với số tiền là 638.086.200đ; Bồi thường toàn bộ tổn thất về sản phẩm: 127.500.000đ; Bồi thường thiệt hại do chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường tổn thất, sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày 08/8/2016 bên bảo hiểm nhận đủ và hợp lệ hồ sơ khiếu nại đòi bồi thường, tức là ngày 24/8/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất cơ bản 9%/năm.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B:

-Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất “dây chuyền 333 – 8000lon/h” của Công ty T với số tiền 120.550.000đ. Thì căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm 1903/15/HD-1063/24-DA2 ngày 02/7/2015 nhưng phía Công ty Tiên Nga đã nộp phí chậm 02 tháng 22 ngày. Nên giữa B và T đã “tự” chấm dứt hiệu lực và B không có trách nhiệm bảo hiểm sau ngày 01/8/2015 mà không cần phải phát hành thông báo cũng như văn bản từ chối nhận phí. Tuy nhiên Tổng Công ty Bảo hiểm B và Công ty T không có văn bản thỏa thuận hoặc văn bản thỏa thuận nào về việc thu, nộp phí trễ hạn và việc Công ty T thanh toán phí trễ nhưng trước khi xảy ra sự kiện bảo hiểm 06 tháng 17 ngày đều được bên bảo hiểm B chấp nhận. Trong trường hợp này thể hiện sự chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm lẽ ra khi Công ty T nộp phí trễ hạn thì

bảo hiểm phải từ chối tiền phí mà Công ty T đã thanh toán và thông báo bằng văn bản tuyên bố Hợp đồng bảo hiểm không còn hiệu lực nhưng Công ty B vẫn chấp nhận và không có văn bản nào thể hiện Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt vào ngày 01/8/2015. Nên Hợp đồng Bảo hiểm giữa Công ty T và Tổng Công ty Bảo hiểm B có hiệu lực và phát sinh quyền, trách nhiệm đối với các bên tham gia ký kết. Khi xảy ra tổn thất thì Tổng Công ty Bảo hiểm B phải có trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm. Ngày 23/10/2015 Công ty T nộp phí bảo hiểm cho Hợp đồng số **1903/15/HD-1063/24-DA2**, đối chiếu với nội dung Hợp đồng thì Công ty T đã nộp phí chậm là 02 tháng 01 ngày và nộp trước ngày xảy ra tổn thất, nhưng Tổng Công ty Bảo hiểm B không có ý kiến gì về việc nộp chậm. Căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm Hợp đồng bảo hiểm số **1903/15/HD-1063/24-DA2** có hiệu lực nên các bên ký kết có trách nhiệm thực hiện; Vì vậy Tổng Công ty B phải thanh toán thiệt hại về tài sản tương ứng với tỷ lệ phần trăm của tổng giá trị tổn thất theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật kinh doanh bảo hiểm. Án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ tổn thất theo kết quả thẩm định 120.5500.000đ là chưa chính xác. Vì giá trị hàng hóa thực tế 8.800.000.000đ, nhưng mua bảo hiểm chỉ 6.400.000.000đ. Nên cần sửa án sơ thẩm về cách tính toán số tiền liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Hợp đồng bảo hiểm số **1903/15/HD-1063/24-DA2**. Cụ thể số tiền mà Tổng Công ty Bảo Long có trách nhiệm bồi thường cho Công ty T là: $120.5500.000đ \times 72,72\% = 87.663.960đ$.

-Đối với quyết định chấp nhận bồi thường tổn thất về nhà xưởng là 638.086.200đ. Thì căn cứ vào Hợp đồng số 387/16/HD-1063/28-KD2 ngày 23/02/20016 thì Phía Công ty B cho rằng Công ty T chỉ tham gia bảo hiểm dưới giá trị nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh. Và công ty B cho rằng căn cứ khoản 2 Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm “ Chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị trường của tài sản ...”. Chỉ chịu trách nhiệm bồi thường 30,45% tổn thất thực tế với khối lượng, đơn giá hợp lý. Tuy nhiên cơn lốc xảy ra ngày 06/5/2015 làm cho nhà máy T bị thiệt hại nhà xưởng. Phía B đã thừa nhận tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm. Căn cứ vào chứng thư Thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai thì thiệt hại là 653.421.600đ nhưng Công ty T chỉ yêu cầu phía B bồi thường 638.086.200đ. Nhưng B không đồng ý chứng thư thẩm định giá này. Cấp sơ thẩm cũng đã lập biên bản giải thích phía Công ty B có quyền yêu cầu thẩm định giá lại nhưng phía Công ty B không yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giá mà Công ty B đưa ra là do Công ty Savy thẩm định. Nhưng giá mà Savy đưa ra không dựa trên thiệt hại thực tế của T. Nên việc thiệt hại nhà xưởng là có cơ sở theo giá trị thẩm định nhưng nguyên đơn yêu cầu bồi thường thấp hơn giá trị thiệt hại của chứng thư và có lợi cho B nên cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu bồi thường lãi suất chậm bồi thường của Công ty T: Công ty B cho rằng quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, T khẳng định không có nghĩa vụ cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan cho B nên Công ty T chưa thực hiện nghĩa vụ cung cấp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ nên chưa phát sinh nghĩa vụ bồi thường, nên không đồng ý bồi

thường tổn thất số tiền 86.398.279đ. Tuy nhiên các Hợp đồng ký kết giữa Công ty T và Công ty B g không thỏa thuận về thời hạn trả tiền bảo hiểm.

Căn cứ vào Điều 29 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 về thời hạn trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường thì: "... trong trường hợp không thỏa thuận về thời hạn thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường". Phía B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm cho T ngay sau nhận được hồ sơ khiếu nại đầy đủ và hợp lệ là làm mất đi quyền lợi kịp thời của nguyên đơn vì vậy bị đơn phải chịu phần lãi suất chậm trả là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên do cấp sơ thẩm xác định số tiền bồi thường thiệt hại Hợp đồng bảo hiểm 1903 chưa chính xác nên cần điều chỉnh lại phần lãi suất. Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 24/8/2016 đến ngày 25/9/2017 là 13 tháng 1 ngày làm tròn là 13 tháng cụ thể như sau: $853.250.160đ \times 13 \text{ tháng} \times 9\%/năm = 83.191.890đ$. Nên sửa án sơ thẩm.

Nên việc kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần án sơ thẩm đối với khoản tiền bồi thường của hợp đồng số **1903/15/HD-1063/24-DA2** và khoản tiền lãi suất. Do sửa về giá trị bồi thường nên sửa về án phí sơ thẩm 40.093.261đ

[5] Về chi phí thẩm định giá: Tổng Công ty bảo hiểm B phải chịu theo quy định pháp luật. Do số tiền này Công ty T đã tạm ứng nên buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải thanh toán lại cho Công ty T số tiền 16.318.000đ

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên Tổng Công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 12, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 43 Luật Kinh doanh bảo hiểm đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 12, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 405, 426, 567, 568, 569, 570, 571, 575, 576, 579, 580 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T. Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải bồi thường cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T tổng số tiền 936.442.050đ

Về chi phí thẩm định giá Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T số tiền là 16.318.000đ

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên và tiền chi phí thẩm định giá thì phải chịu lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí:

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm B phải chịu 40.093.261đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm B đã nộp tại biên lai số 003326 ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố B được tính trừ án phí mà Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B phải chịu. Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm B còn phải nộp tiếp 38.093.261đ

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần sản xuất – thương mại T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.870.000đ theo biên lai thu số 000910 ngày 23/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Xuân Đào

